

# Quan điểm mới của Đảng Cộng sản Việt Nam về xã hội

Nguyễn Ngọc Hà<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.  
Email: nguyenngocha08@gmail.com

Nhận ngày 6 tháng 6 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 9 tháng 7 năm 2018.

**Tóm tắt:** Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xã hội từ năm 1986 có nhiều nội dung đổi mới so với giai đoạn trước và so với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin. Sự đổi mới này thể hiện trước hết ở quan điểm về kinh tế tư nhân, bóc lột, công bằng, nhà nước, chủ nghĩa xã hội. Theo quan điểm mới đó, kinh tế tư nhân vẫn còn là động lực của nền kinh tế; không nhất thiết làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là bóc lột; không nhất thiết còn chênh lệch về của cải là còn bất công; có thể có nhà nước của dân; chủ nghĩa xã hội không nhất thiết phải có quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu. Quan điểm mới của Đảng Cộng sản Việt Nam về xã hội là sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin.

**Từ khóa:** Đổi mới tư duy, kinh tế tư nhân, bóc lột, công bằng, nhà nước, chủ nghĩa xã hội.

**Phân loại ngành:** Triết học

**Abstract:** Many new points of renovation have been seen in the Communist Party of Vietnam's viewpoint on society since 1986 compared to the previous period and compared with that of Marxism-Leninism. The new view is presented, first of all, in the new view on private economy, exploitation, equity, the state and socialism. Accordingly, the private economy remains the driving force of the economy, practicing the capitalist private economy is not necessarily exploitation, it is not necessarily that when there exist differences in wealth, there exists injustice too. The view also includes that there can be the state of the people, and it is not necessarily that socialism must have a production relationship which is based on public ownership. The new viewpoint is the creative development of Marxism-Leninism.

**Keywords:** Renovation of the thinking, private economy, exploitation, justice, state, socialism.

**Subject classification:** Philosophy

## 1. Mở đầu

Trên thế giới hiện nay có nhiều hệ thống quan điểm khác nhau về xã hội. Các đảng chính trị khi đề ra đường lối hoạt động chính trị của mình đều dựa trên một hệ thống quan điểm nào đó về xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) có một hệ thống quan điểm riêng về xã hội. Trong hệ thống đó, nền tảng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, quan điểm của ĐCSVN về xã hội không phải là nhất thành bất biến. Trong quá trình hoạt động từ năm 1930 đến nay, ĐCSVN có nhiều lần thay đổi, bổ sung, phát triển quan điểm về xã hội. Lần thay đổi lớn nhất diễn ra vào năm 1986 (vì thế, đây được coi là thời điểm bắt đầu của sự nghiệp đổi mới). Quan điểm của ĐCSVN về xã hội trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay (được thể hiện chủ yếu trong văn kiện của ĐCSVN, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước Việt Nam) có một số nội dung mới so với giai đoạn từ năm 1930 đến năm 1986. Đã có nhiều công trình nghiên cứu luận giải về tư duy đổi mới nói chung và các quan điểm đổi mới nói riêng của ĐCSVN về xã hội. Tuy nhiên, vẫn đang có những ý kiến khác nhau trong việc giải thích các quan điểm đổi mới đó. Bài viết này góp thêm ý kiến nhằm làm sáng tỏ hơn tính mới trong quan điểm của ĐCSVN về kinh tế tư nhân, bóc lột, công bằng, nhà nước, chủ nghĩa xã hội.

## 2. Quan điểm mới về kinh tế tư nhân

Kinh tế tư nhân nói chung và kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa nói riêng<sup>2</sup> (hay quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa) khi mới xuất hiện có tác dụng tích cực (thúc đẩy sự phát

triển của lực lượng sản xuất), nhưng đến một giai đoạn nhất định, sẽ có tác dụng tiêu cực (kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất). Nhưng vấn đề là ở chỗ, trong điều kiện của lực lượng sản xuất có tính chất đại công nghiệp như hiện nay, kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa có còn tác dụng tích cực hay đã trở nên tiêu cực? Đây là một vấn đề chung quan trọng về xã hội. Trả lời vấn đề này (theo cách khẳng định hay phủ định) là cơ sở lý luận cho việc hoạch định các quyết sách chính trị. Nếu ai cho rằng kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa đã trở nên tiêu cực thì người đó sẽ hoạch định các quyết sách chính trị theo hướng xóa bỏ kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa. Ngược lại, nếu ai cho rằng kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa còn tác dụng tích cực thì người đó sẽ hoạch định các quyết sách chính trị theo hướng không xóa bỏ kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, ngay từ khoảng giữa thế kỷ XIX (khi Mác và Ăngghen viết “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, lúc này cách mạng công nghiệp lần thứ nhất sắp chuyển sang cách mạng công nghiệp lần thứ hai), kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa đã có tác dụng tiêu cực đối với sự phát triển lực lượng sản xuất, và cần xóa bỏ. Quan điểm của ĐCSVN trong giai đoạn trước đổi mới phù hợp với quan điểm này. Vì dựa trên quan điểm lý luận đó cho nên ĐCSVN ngay từ năm 1930 đã chủ trương xóa bỏ kinh tế tư nhân (biến nền kinh tế nhiều thành phần trở thành nền kinh tế một thành phần; thành phần đó là kinh tế xã hội chủ nghĩa). Chủ trương này được thể hiện trong “Luận cương chính trị” của ĐCSVN từ tháng 10 năm 1930 (ở luận điểm “bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”);

được hiện thực hóa ở miền Bắc từ năm 1960 và trong cả nước từ năm 1975 đến năm 1986.

Theo quan điểm mới của ĐCSVN (từ năm 1986), trong điều kiện của lực lượng sản xuất có tính chất đại công nghiệp như hiện nay (khi cách mạng công nghiệp sắp chuyển sang giai đoạn thứ tư, lực lượng sản xuất đã đạt được trình độ cao hơn nhiều so với giai đoạn giữa thế kỷ XIX), kinh tế tư nhân nói chung và kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa nói riêng nhìn chung vẫn còn tác dụng tích cực đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất (trừ một số trường hợp cụ thể ở một số nước trong một giai đoạn ngắn). Quan điểm mới này được khẳng định trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của ĐCSVN như sau: “Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế” [1, tr.83].

Trước Đại hội X, trong văn kiện của ĐCSVN, chưa có luận điểm coi kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Tuy nhiên, trên thực tế từ năm 1986, ĐCSVN đã thừa nhận kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế rồi. Vì thừa nhận kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế, nên ĐCSVN mới cho phép kinh tế tư nhân phát triển. Những mốc chủ yếu đánh dấu quá trình đổi mới quan điểm đó của ĐCSVN về kinh tế tư nhân là: 1) Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987 (theo đó, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoan nghênh và khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vốn và kỹ thuật vào Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của Việt Nam, tuân thủ pháp luật Việt Nam, bình đẳng và các bên cùng có lợi); 2) Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 5/4/1988 của Bộ Chính trị (khóa VI) về đổi

mới quản lý kinh tế nông nghiệp (theo đó, Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tác dụng tích cực của kinh tế cá thể, tư nhân trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội; thừa nhận tư cách pháp nhân, bảo đảm bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ trước pháp luật, bảo hộ quyền làm ăn chính đáng và thu nhập hợp pháp của các hộ cá thể, tư nhân và quyền thừa kế sử dụng doanh nghiệp của con cái họ; tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho các thành phần này phát triển trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng, nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản, chế biến nông, lâm, thủy sản, kinh doanh dịch vụ nông nghiệp và mở mang ngành nghề ở nông thôn; xóa bỏ các định kiến hẹp hòi đối với kinh tế cá thể, tư nhân); 3) Luật Công ty năm 1990 (theo đó, Nhà nước cho phép công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, tổ chức kinh tế Việt Nam có tư cách pháp nhân thuộc các thành phần kinh tế, tổ chức xã hội có quyền góp vốn đầu tư hoặc tham gia thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của công ty, thừa nhận sự bình đẳng trước pháp luật của công ty với các doanh nghiệp khác và tính sinh lợi hợp pháp của việc kinh doanh; trong khuôn khổ pháp luật, công ty có quyền tự do kinh doanh và chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh; Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, quyền thừa kế về vốn, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của các thành viên công ty); 4) Hiến pháp năm 1992 (theo đó, Nhà nước thừa nhận công dân có quyền tự do kinh doanh; điều này không có trong Hiến pháp năm 1959 và Hiến pháp năm 1980); 5) Luật Đất đai năm 1993 (theo đó, Nhà nước giao đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất ổn định lâu dài; cho tổ chức, hộ gia đình, cá

nhân thuê đất; cho tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất có thời hạn); 6) Luật Khuyến khích đầu tư trong nước năm 1994 (theo đó, Nhà nước bảo hộ và khuyến khích tổ chức, công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài cư trú lâu dài ở Việt Nam đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam; Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, lợi nhuận, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của chủ đầu tư; tài sản, vốn đầu tư và lợi nhuận hợp pháp của chủ đầu tư không bị quốc hữu hoá). Cho đến năm 1994, về cơ bản Nhà nước Việt Nam đã hội nhập quốc tế trong việc thừa nhận tác dụng tích cực của kinh tế tư nhân.

Thực chất của đổi mới tư duy ở Việt Nam từ năm 1986 là đổi mới tư duy kinh tế; thực chất của đổi mới tư duy kinh tế là đổi mới quan điểm về kinh tế tư nhân (đổi mới từ quan điểm cho rằng trong điều kiện hiện nay kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa có tác dụng tiêu cực đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất, đến quan điểm cho rằng trong điều kiện hiện nay kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa vẫn còn tác dụng tích cực đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất). Quan điểm mới như trên về kinh tế tư nhân là sự đổi mới quan trọng nhất trong các quan điểm của ĐCSVN về xã hội.

### 3. Quan điểm mới về bóc lột

Sự đổi mới quan điểm về kinh tế tư nhân tất nhiên dẫn đến sự đổi mới nhiều quan điểm khác về xã hội, trong đó có quan điểm về bóc lột. Bóc lột là việc người này chiếm đoạt thành quả lao động của người khác. Bóc lột là hành vi bị phê phán về mặt đạo

đức. Người bị bóc lột thì muốn xóa bỏ ngay tình trạng người bóc lột người. Tuy nhiên, vấn đề phức tạp và quan trọng là ở chỗ, điều kiện để xóa bỏ bóc lột là gì? Về vấn đề này, đã từng có hai quan điểm khác nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng, còn kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là còn tình trạng người bóc lột người. Quan điểm thứ hai cho rằng, không nhất thiết còn kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là còn tình trạng người bóc lột người.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, còn kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là còn tình trạng người bóc lột người<sup>3</sup>. Với quan điểm này, người làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa bị coi là người bóc lột; người lao động làm thuê bị coi là người bị bóc lột; trong chủ nghĩa tư bản và cả trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, do còn tình trạng người bóc lột người; chỉ trong xã hội cộng sản (mà chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu) do không còn kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa, nên không còn tình trạng người bóc lột người; để xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì cần xóa bỏ kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa. Quan điểm của ĐCSVN trong giai đoạn trước năm 1986 phù hợp với quan điểm này.

Theo quan điểm mới của ĐCSVN (từ năm 1986), không nhất thiết còn kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là còn tình trạng người bóc lột người<sup>4</sup>. Với quan điểm mới này, tuy còn kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa, nhưng có thể không còn tình trạng người bóc lột người; không phải người làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa nào cũng là người bóc lột; không phải người lao động làm thuê nào cũng là người bị bóc lột; để xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì

không nhất thiết phải xóa bỏ kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa. Đây là sự thay đổi quan điểm về điều kiện để xóa bỏ bóc lột. Quan điểm mới đó của ĐCSVN về điều kiện để xóa bỏ bóc lột thể hiện ở các luận điểm như: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển” [1, tr.77-78], “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa” [2, tr.43]. Luận điểm “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển”, có hàm ý cho rằng, trong điều kiện mọi người được phép làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa như hiện nay, vẫn có thể và cần phải thực hiện công bằng (chứ không phải chờ đợi trong tương lai xa xôi mới thực hiện công bằng), thực hiện công bằng có nghĩa là xóa bỏ bóc lột. Luận điểm trên cũng có hàm ý cho rằng, ĐCSVN tuy cho phép mọi người làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa, nhưng không cho phép ai được bóc lột. Với quan điểm mới này, người làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa không còn bị ĐCSVN coi là thành phần bóc lột. Không những không coi người làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là thành phần bóc lột, ĐCSVN còn lấy ngày 13 tháng 10 làm Ngày Doanh nhân Việt Nam để tôn vinh doanh nhân, trong đó có người làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa.

Ở Việt Nam từ năm 1986, kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa bắt đầu được ĐCSVN cho phép tồn tại và phát triển (như đã nói ở trên). Từ Đại hội X năm 2011, ĐCSVN không những cho phép công dân không phải đảng viên, mà còn cho phép cả đảng viên được làm kinh tế tư nhân tư bản

chủ nghĩa (được làm kinh tế tư nhân không hạn chế về quy mô). ĐCSVN khẳng định: “Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương” [1, tr.133], “Tiếp tục thực hiện chủ trương đảng viên làm kinh tế tư nhân; thực hiện thí điểm việc kết nạp những người là chủ doanh nghiệp tư nhân đủ tiêu chuẩn vào Đảng” [2, tr.58]. Điều này chứng tỏ rằng, ĐCSVN hoàn toàn không còn kỳ thị đối với những người làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa.

Làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là việc làm hợp pháp ở Việt Nam (từ năm 1986). Từ thực tế đó, có ý kiến cho rằng, ĐCSVN từ năm 1986 cho phép tồn tại hợp pháp tình trạng người bóc lột người. Ý kiến này là sai lầm về lý luận và có hại về thực tiễn. Ý kiến đó là sai lầm về lý luận vì xóa bỏ chế độ người bóc lột người ở Việt Nam là mục tiêu nhất quán của ĐCSVN từ năm 1930 đến nay; trong các văn kiện của ĐCSVN không có luận điểm nào nói rằng ĐCSVN cho phép ai đó (người Việt Nam hay người nước ngoài) bóc lột người Việt Nam. Mặc dù cho phép mọi người (cả người Việt Nam và người nước ngoài) làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa tại Việt Nam (nếu họ có vốn và tuân thủ pháp luật Việt Nam), nhưng ĐCSVN không cho phép ai đó bóc lột người Việt Nam. Mục tiêu của ĐCSVN về xóa bỏ chế độ người bóc lột người là nhất quán, nhưng quan điểm của ĐCSVN về điều kiện xóa bỏ chế độ người bóc lột người thì đã thay đổi (thay đổi từ chỗ cho rằng còn kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là còn tình trạng người bóc lột người, đến chỗ cho rằng không nhất thiết còn kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là còn tình trạng

người bóc lột người). Ý kiến nói trên có hại về thực tiễn, vì hàm ý của ý kiến đó vẫn là sự kỳ thị với người làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa về đạo đức, vẫn chứa đựng quan điểm coi họ là người bóc lột (dù hợp pháp). Khi xã hội coi những người làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa (dù họ chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật) là người bóc lột, thì những người làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa sẽ không có được một môi trường tâm lý xã hội thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của mình.

#### 4. Quan điểm mới về công bằng

Công bằng là không bắt công (trong phân phối của cải); là tình trạng hưởng thụ của cải tương xứng với mức đóng góp. Với cách hiểu về công bằng như vậy thì hầu như ai cũng muốn có công bằng, thậm chí muốn có ngay công bằng. Tuy nhiên, khi giải thích cụ thể về đặc điểm của công bằng thì lại có sự bất đồng ý kiến. Có ý kiến cho rằng, còn chênh lệch về của cải là còn bất công, nói cách khác, khi có công bằng thì không có chênh lệch về của cải. Có ý kiến khác cho rằng, không nhất thiết còn chênh lệch về của cải là còn bất công, cũng tức là, không nhất thiết khi có công bằng thì không có chênh lệch về của cải.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, còn chênh lệch về của cải là còn bất công; trong xã hội có chế độ tư hữu (chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản) và cả trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa (trong chủ nghĩa xã hội) vẫn còn chênh lệch về của cải, và do đó vẫn còn bất công; để xóa bỏ bất công, thì phải làm cho không còn chênh

lệch về của cải; để làm cho không còn chênh lệch về của cải thì không những cần phải xóa bỏ chế độ tư hữu mà còn phải phân phối theo nhu cầu; để phân phối theo nhu cầu thì loài người phải bước sang giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Về điều này V.I.Lênin viết: “Cho nên, giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản chưa thể thực hiện được công bằng và bình đẳng: về mặt của cải, thì vẫn còn chênh lệch, mà những chênh lệch ấy là bất công, nhưng tình trạng người *bóc lột* người thì không thể có nữa, vì không ai có thể chiếm *tư liệu sản xuất*, công xưởng, máy móc, đất đai, v.v. làm của riêng được. Trong khi bác bỏ câu nói mơ hồ và tiêu tư sản của Latxan về “bình đẳng” và “công bằng” nói chung, Mác vạch ra *tiến trình phát triển* của xã hội cộng sản, xã hội này thoạt đầu *bắt buộc* phải phá huỷ *chi riêng* cái “điều bất công” này: việc cá nhân chiếm hữu tư liệu sản xuất làm của riêng, nhưng *không đủ sức* phá huỷ ngay điều bất công khác nữa, tức là việc phân phối vật phẩm tiêu dùng “theo lao động” (chứ không theo nhu cầu)” [10, tr.114-115]. Quan điểm của ĐCSVN trong giai đoạn trước đổi mới phù hợp với quan điểm này.

Theo quan điểm mới của ĐCSVN (từ năm 1986), không nhất thiết còn chênh lệch về của cải là còn bất công; không nhất thiết còn kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là còn tình trạng bất công; có thể xóa bỏ ngay tình trạng bất công (tức là thiết lập sự công bằng), chứ không nhất thiết phải chờ đợi đến giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa. Đây là sự thay đổi quan điểm về đặc điểm của công bằng và điều kiện để thực hiện công bằng. Quan điểm mới đó được thể hiện ở các luận điểm như đã nói ở trên (đó là: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã

hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển”, “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa”. Bởi vì, ở các luận điểm đó có hàm ý rằng, trong điều kiện mọi người được phép làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa như hiện nay, có thể và cần phải thực hiện công bằng (chứ không phải chờ đợi trong tương lai xa xôi mới thực hiện công bằng).

Với quan điểm cũ về đặc điểm của công bằng và điều kiện để thực hiện công bằng, đồng thời do mong muốn xóa bỏ ngay sự bất công, cho nên trong giai đoạn trước đổi mới, ĐCSVN (giống như nhiều Đảng Cộng sản khác) chủ trương thực hiện chế độ phân phối theo hướng giảm mức độ chênh lệch về của cải giữa mọi người với nhau; từ đó sự chênh lệch về của cải (khoảng cách giàu nghèo) ở Việt Nam ngày càng giảm đi. Với quan điểm mới về đặc điểm của công bằng và điều kiện để thực hiện công bằng, đồng thời do mong muốn thực hiện công bằng, cho nên trong giai đoạn đổi mới, ĐCSVN chủ trương thực hiện chế độ phân phối theo hướng không làm giảm mức độ chênh lệch về của cải giữa mọi người với nhau; từ đó sự chênh lệch về của cải (khoảng cách giàu nghèo) ở Việt Nam tăng lên. Từ thực tế đó, có ý kiến cho rằng, trong giai đoạn đổi mới, tình trạng bất công ở Việt Nam tăng hơn; thậm chí có ý kiến cho rằng trong giai đoạn đổi mới, ĐCSVN đã hy sinh mục tiêu công bằng để đổi lấy mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Cả hai ý kiến này đều sai lầm, bởi vì sự gia tăng mức độ chênh lệch về của cải không phải là biểu hiện của sự gia tăng mức độ bất công; để tăng trưởng kinh tế bền vững thì không thể hy sinh mục tiêu công

bằng; xóa bỏ ngay bất công (cũng như xóa bỏ ngay chế độ người bóc lột người) là mục tiêu nhất quán của ĐCSVN. Từ thực tế đó, chỉ có thể giải thích rằng, quan điểm của ĐCSVN về đặc điểm của công bằng và điều kiện thực hiện công bằng đã thay đổi (từ chỗ cho rằng còn chênh lệch về của cải là bất công, để thực hiện công bằng cần phải xóa bỏ chế độ tư hữu và phân phối theo nhu cầu, đến chỗ cho rằng không nhất thiết còn chênh lệch về của cải là còn bất công, để thực hiện công bằng không nhất thiết cần phải xóa bỏ chế độ tư hữu và phân phối theo nhu cầu).

## 5. Quan điểm mới về nhà nước

Nhà nước là bộ máy quản lý xã hội bằng cách đề ra pháp luật và sử dụng công cụ bạo lực để bắt buộc mọi người thực hiện pháp luật. Ai cũng dễ dàng phân biệt nhà nước với các tổ chức quản lý xã hội khác. Nhưng vấn đề phức tạp là ở chỗ, nhà nước là bộ máy của ai và được dùng để trấn áp ai?

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhà nước là bộ máy của một giai cấp (để trấn áp giai cấp khác vì lợi ích của mình); không có nhà nước nào là nhà nước của dân (của mọi giai cấp); trong lịch sử đã có và chỉ có 4 kiểu nhà nước, đó là nhà nước của giai cấp chủ nô (để trấn áp giai cấp nô lệ), nhà nước của giai cấp địa chủ (để trấn áp giai cấp nông nô), nhà nước của giai cấp tư sản (để trấn áp giai cấp vô sản), nhà nước của giai cấp vô sản (để trấn áp giai cấp tư sản). Về điều này, V.I.Lênin viết: “Cho nên, *bất kỳ* nhà nước nào cũng đều *không* tự do, đều không có tính chất nhân dân. Điều đó Mác và Ăngghen đã giải thích nhiều lần cho các đồng chí trong đảng

vào những năm 70” [10, tr.25]. Quan điểm của ĐCSVN trong giai đoạn trước đổi mới phù hợp với quan điểm này.

Theo quan điểm mới của ĐCSVN (từ năm 1986), có thể có nhà nước của dân. Quan điểm này được thể hiện ở luận điểm sau: “Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” [2, tr.85]. Vì sao? Nếu cho rằng bất kỳ nhà nước nào cũng đều không phải là nhà nước của nhân dân, thì cũng phải cho rằng Nhà nước ta không phải là nhà nước của nhân dân; còn nếu cho rằng Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân thì phải cho rằng có thể có nhà nước của nhân dân. Quan điểm trên của Đảng cho rằng Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân. Điều đó chứng tỏ rằng, theo quan điểm mới của ĐCSVN, có thể có nhà nước của nhân dân (cũng tức là, có thể có nhà nước có tính nhân dân).

Nhà nước của nhân dân cũng quản lý xã hội bằng cách đề ra pháp luật và sử dụng công cụ bạo lực để bắt buộc mọi người thực hiện pháp luật. Nhưng ở đó, những người cầm quyền trong bộ máy nhà nước do nhân dân bầu ra; pháp luật do người cầm quyền đề ra vì lợi ích của toàn dân (chứ không phải chỉ vì lợi ích của một giai cấp nào đó); công cụ bạo lực của nhà nước không được dùng để trấn áp một giai cấp nào, mà được dùng để trấn áp những cá nhân (thuộc các giai cấp khác nhau) không thực hiện pháp luật. Trên thực tế, nhà nước nào theo chế độ dân chủ hiện nay cũng tự nhận rằng nhà nước mình là nhà nước của nhân dân. Tuy nhiên, do chưa có bộ công cụ khoa học để định lượng khách quan và chính xác tính nhân dân của các nhà nước dân chủ, cho nên chúng ta rất khó xác định một nhà nước

nào đó có thực sự là nhà nước của nhân dân hay không.

Quan điểm cho rằng có thể có nhà nước của nhân dân là quan điểm mới rất quan trọng (so với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, và so với quan điểm của ĐCSVN trong giai đoạn trước đổi mới). Quan điểm này phù hợp với chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân (khối đoàn kết mọi giai cấp và tầng lớp, không trừ một giai cấp hoặc tầng lớp nào). Theo quan điểm được thừa nhận trong sách báo chính thức hiện nay, Việt Nam không có giai cấp tư sản, và do đó, cũng không có giai cấp vô sản, mà chỉ có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và tầng lớp doanh nhân. Như vậy, toàn dân ở Việt Nam hiện nay là hai giai cấp và hai tầng lớp đó; Nhà nước của nhân dân ở Việt Nam hiện nay là nhà nước của hai giai cấp và hai tầng lớp đó. Tuy có thể có cách gọi tên khác về các nhóm xã hội ở Việt Nam hiện nay, nhưng rõ ràng là, mọi nhóm xã hội đông đảo ở Việt Nam hiện nay đều là nhân dân và là chủ của đất nước; không có giai cấp nào là đối tượng bị giai cấp khác bóc lột và bị Nhà nước trấn áp; chỉ có một số cá nhân hoặc các nhóm xã hội nhỏ lẻ có ý định vi phạm pháp luật thì mới bị Nhà nước trấn áp.

## 6. Quan điểm mới về chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa xã hội là một xã hội tốt đẹp. Với cách hiểu đó, nhiều nước (trong đó có Việt Nam) đã và đang chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội. ĐCSVN từ năm 1930 đến nay luôn chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, quan điểm về chủ nghĩa xã hội từ năm 1986 có sự thay đổi.



Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, một trong những đặc điểm của chủ nghĩa xã hội là chế độ công hữu. Với quan điểm đó, những nước nào chưa xóa bỏ chế độ tư hữu thì chưa thể được gọi là chủ nghĩa xã hội. Quan điểm của ĐCSVN trong giai đoạn trước đổi mới phù hợp với quan điểm này.

Theo quan điểm mới của ĐCSVN (từ năm 1986), để có chủ nghĩa xã hội không nhất thiết phải xóa bỏ chế độ tư hữu. Về điều này, trong “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)” viết: “*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới*” [2, tr.70]. Trong định nghĩa vừa nêu về xã hội xã hội chủ nghĩa (chủ nghĩa xã hội) mà nhân dân ta xây dựng, có hai cụm từ. Một là: “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”. Hai là: “các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình

đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”. Cụm từ đầu nói về năm đặc điểm chung của chủ nghĩa xã hội. Cụm từ sau nói về các đặc điểm riêng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Năm đặc điểm chung của chủ nghĩa xã hội được nêu ra ở đó (gồm: - dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; - do nhân dân làm chủ; - có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; - có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; - con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện) là các giá trị chung của nhân loại, các giá trị này được tất cả các quốc gia trên thế giới thừa nhận. “Quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu” là điều mà người ta thường phản đối. Tuy nhiên, ở đó, khái niệm chủ nghĩa xã hội được hiểu nhất thiết phải có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp, chứ không nhất thiết phải có quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu. Với quan điểm mới này, chủ nghĩa xã hội không đối lập với kinh tế thị trường; chủ nghĩa xã hội có thể được xây dựng thành công trong điều kiện phát triển kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa. Đây là sự đổi mới quan trọng trong quan điểm về chủ nghĩa xã hội.

## 7. Kết luận

Sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 bắt đầu từ đổi mới tư duy, vì có đổi mới tư duy thì mới có đổi mới hành động. Trong tư duy đổi mới của ĐCSVN bao gồm cả quan

điểm đổi mới về xã hội nói chung và quan điểm đổi mới về xã hội Việt Nam nói riêng. Quan điểm đổi mới về xã hội nói chung là cơ sở lý luận cho quan điểm đổi mới về xã hội Việt Nam nói riêng, tức là cơ sở lý luận cho việc hoạch định hệ thống chính sách và pháp luật mới của Nhà nước. Nhờ có sự đổi mới quan điểm về xã hội nói chung, cho nên ĐCSVN mới có sự đổi mới chính sách và pháp luật. Nhờ ĐCSVN đổi mới chính sách và pháp luật, cho nên đất nước mới có sự đổi mới về đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội. Quan điểm đổi mới của ĐCSVN về xã hội nói chung không chỉ thể hiện ở năm vấn đề được phân tích ở trên (gồm: kinh tế tư nhân, bóc lột, công bằng, nhà nước, chủ nghĩa xã hội), mà còn thể hiện ở nhiều vấn đề khác. Quan điểm mới đó chứng tỏ rằng, ĐCSVN có sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin.

### Chú thích

<sup>2</sup> Kinh tế tư nhân được hiểu gồm có kinh tế tư nhân quy mô nhỏ (ở đó, người chủ sở hữu tự làm mà không phải thuê lao động) và kinh tế tư nhân quy mô lớn (ở đó, người chủ sở hữu tự liệu sản xuất do sở hữu nhiều tự liệu sản xuất, nên không thể tự lao động mà phải thuê người khác lao động; tên gọi khác của kinh tế tư nhân quy mô lớn là kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa). Kinh tế tư nhân quy mô nhỏ tất yếu sẽ phát triển thành kinh tế tư nhân quy mô lớn. Vì vậy, nói đến kinh tế tư nhân chủ yếu là nói đến kinh tế tư nhân quy mô lớn. Khái niệm kinh tế tư nhân không tách rời với các khái niệm chế độ tư hữu, sản xuất hàng hóa, kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường, kinh tế nhiều thành phần, kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa, tự do kinh doanh.

<sup>3</sup> Quan điểm cho rằng còn kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là còn tình trạng người bóc lột người (và do đó

để xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì cần xóa bỏ kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa) không phải là quan điểm mới của C.Mác. Trước C.Mác, nhiều người đã phê phán chế độ tư hữu và chủ trương xây dựng xã hội cộng sản. Điểm mới của C.Mác là ở cách giải thích về bản chất của kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa. Theo đó, người thuê lao động (với giả định không phải là người lao động) tuy trả tiền công cho người làm thuê ở mức ngang giá với sức lao động của họ, nhưng vẫn được hưởng một phần giá trị của sản phẩm sau quá trình kinh doanh, giá trị này là phần tăng thêm (thặng dư) so với giá trị của hàng hóa sức lao động, hàng hóa sức lao động khác với các hàng hóa khác ở chỗ, sau khi được sử dụng nó tạo ra một lượng giá trị nhiều hơn lượng giá trị ban đầu. Cách giải thích này của C.Mác được Ph.Ăngghen đánh giá là một phát minh vĩ đại. Có ý kiến cho rằng, cách giải thích của C.Mác về nguồn gốc thu nhập của người thuê lao động là không đúng, vì theo ý kiến này, trong nền sản xuất hiện đại, người thuê lao động cũng tham gia lao động dưới hình thức quản lý; thu nhập của người thuê lao động là thu nhập từ sức lao động quản lý của họ, chứ không phải từ sức lao động của người làm thuê. Ý kiến này là sai lầm, vì C.Mác giả định rằng người thuê lao động không tham gia lao động kể cả dưới hình thức quản lý. Có ý kiến khác cho rằng, cách giải thích của C.Mác về nguồn gốc thu nhập của người thuê lao động là không đúng, vì theo ý kiến này, trong một nhà máy sản xuất tự động hóa chỉ có vài người lao động được trả lương cao, các robot đã thay thế cho hàng ngàn người lao động, lực lượng tạo ra thu nhập của người chủ sở hữu nhà máy không phải là vài người lao động mà là các robot. Ý kiến này là sai lầm, vì các robot không phải là con người và không tạo ra giá trị tăng thêm. Có ý kiến khác nữa cho rằng, cách giải thích của C.Mác về nguồn gốc thu nhập của người thuê lao động là không đúng, vì theo ý kiến này, “không phải chỉ có sức lao động sống, mà cả lao động vật hóa và điều kiện tự nhiên cũng tham gia vào việc tạo ra và làm

tăng giá trị thặng dư” [9, tr.52]. Ý kiến sau cùng cũng sai lầm; vì chỉ có sức lao động sống của con người mới tạo ra giá trị tăng thêm của hàng hóa; điều kiện tự nhiên và cả tư liệu sản xuất đều không phải là con người và không tạo ra giá trị tăng thêm của hàng hóa. Ba ý kiến trên đây đều muốn chứng minh rằng không nhất thiết người làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là người bóc lột. Ở ba ý kiến đó, luận đề chứng minh (“không nhất thiết làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa là bóc lột”) là đúng, nhưng luận cứ chứng minh là sai lầm.

<sup>4</sup> Trong “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)” có viết: “Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công” [2, tr.68]. Ở đây, cần phân biệt quan điểm của ĐCSVN về kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa với quan điểm của ĐCSVN về chủ nghĩa tư bản, theo đó chủ nghĩa tư bản là chế độ người bóc lột người, còn kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa không phải là thành phần kinh tế bóc lột.

## Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới: 1986 - 2016*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Hoàng Chí Bảo (2016), “Những nhận thức lý luận mới của Đảng Cộng sản Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XII”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 5.
- [5] Nguyễn Ngọc Hà (2002), “Nguyên tắc phân phối vì mục tiêu công bằng xã hội ở nước ta hiện nay”, Tạp chí *Triết học*, số 8.
- [6] Nguyễn Ngọc Hà (2003), “Có phải làm kinh tế tư bản tư nhân là bóc lột?”, Tạp chí *Triết học*, số 3.
- [7] Nguyễn Ngọc Hà (2005), “Kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội”, Tạp chí *Triết học*, số 8.
- [8] Nguyễn Ngọc Hà (2008), “Tình giai cấp và tình nhân dân của nhà nước”, Tạp chí *Triết học*, số 4.
- [9] Nguyễn Huy (2002), “Bóc lột” và hướng giải quyết “vấn đề bóc lột” trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Tạp chí *Triết học*, số 12.
- [10] V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, t.33, Nxb Tiến bộ, Matxcova.
- [11] Tô Huy Rứa, Hoàng Chí Bảo, Trần Khắc Việt, Lê Ngọc Tông (Đồng chủ biên) (2011), *Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Duy Quý (2008), *Đổi mới tư duy và công cuộc đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Duy Quý (chủ biên, 1998), *Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.